

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2025 từ tất cả các nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			
			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số các nguồn vốn	Bao gồm		Nguồn vốn khác
							Vốn định mức Thành phố giao	Thu tiền sử dụng đất	
	TỔNG CỘNG		226,617	226,617	69,837	84,632	33,466	51,166	
A	Dự án đã hoàn thành		115,299	115,299	67,837	40,400	25,734	14,666	
I	Dự án đã phê duyệt quyết toán		68,232	68,232	54,832	13,400	3,234	10,166	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã (Đoạn từ nhà văn hoá thôn Vạn đến trường MN Minh Cường, XD kênh T6 (GĐ2))	2022-2025	13,274	13,274	5,900	7,374	3,000	4,374	
2	Nghĩa trang liệt sỹ xã Quang Phục; Hạng mục: Đường vào nghĩa trang, kè ao, hệ thống chiếu sáng, cuốn thư, phù điêu sau Kỳ Đài	2024	845	845		845		845	
3	Trường Tiểu học Quang Phục, huyện Tứ Kỳ; Hạng mục: Sửa chữa Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng	2024	1,100	1,100		1,100		1,100	
4	Xây mới nhà đa năng, sân khấu ngoài trời và cải tạo sân trường Tiểu học Quang Phục, huyện Tứ Kỳ	2024	1,140	1,140		1,140		1,140	
5	Trụ sở làm việc UBND xã Minh Đức	2021-2025	11,034	11,034	10,797	238		238	
6	Nhà văn hóa trung tâm xã Minh Đức	2021-2025	7,770	7,770	7,407	363		363	
7	Đường giao thông nội đồng xóm 4 Vạn xã Minh Đức	2021-2025	379	379	252	127		127	
8	Chỉnh trang đô thị thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, HM: Bê tông vỉa hè đường vành đai Đông -Nam + vỉa hè tòa án + nhà xe thị trấn	2021	576	576	550	26		26	
9	Cải tạo hồ chôn lấp rác thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ	2021	326	326	300	26		26	
10	Chôn lấp rác thải cũ và xây dựng bãi tập kết rác thải mới thị trấn Tứ Kỳ	2021	946	946	900	46		46	

TT	Tên công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2025 từ tất cả các nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			
			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số các nguồn vốn	Bao gồm		Nguồn vốn khác
							Vốn định mức Thành phố giao	Thu tiền sử dụng đất	
11	Cải tạo hệ thống đèn cao áp thị trấn Tứ Kỳ (GD2)	2021	986	986	930	56		56	
12	Cải tạo hệ thống đèn cao áp thị trấn Tứ Kỳ	2021	1,040	1,040	961	79		79	
13	Cải tạo Đường giao thông ra bãi rác thị trấn Tứ Kỳ	2021	769	769	701	68		68	
14	Phá dỡ nhà lớp học trường THCS thị trấn Tứ Kỳ	2021	259	259	233	26		26	
15	Cải tạo Vĩa hè Ven Tỉnh Lộ 391Km (Đoạn từ KM 17+200 đến Km17+400) trục đường Tây Nguyên và sân thể thao hội trường thị trấn Tứ Kỳ	2021	603	603	539	64		64	
16	Cải tạo nhà lớp học 2T8P và nhà lớp học 3T9P Trường TH thị trấn Tứ Kỳ	2021	1,059	1,059	1,012	47		47	
17	Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng Trường THCS thị trấn Tứ Kỳ	2019-2020	14,954	14,954	14,854	100		100	
18	Xây dựng Phù Đieu Thị trấn Tứ Kỳ	2022	534	534	300	234	234		
19	Dự án: Trường tiểu học Quang Phục, huyện Tứ Kỳ; Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học (A) 3 tầng 12 phòng, nhà lớp học (B) 2 tầng 8 phòng, nhà lớp học (C) 2 tầng 2 phòng, nhà bếp + ăn;	2021-2025	996	996	696	300		300	
20	Hội trường UBND xã Quang Khải	2020	6,136	6,136	6,078	58		58	
21	Công trình phụ trợ UBND xã Quang Khải: Hạng mục: nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, nhà xe khách, bể nước và lát sân	2020	1,147	1,147	1,135	12		12	
22	Công trình phụ trợ UBND xã Quang Khải Hạng mục: cổng tường rào, nhà xe CBNV, sân đường nội bộ, bồn hoa	2020	1,148	1,148	1,136	12		12	
23	Xây dựng cổng, tường rào và sân bê tông nhà văn hóa thôn Phúc Lâm, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	2021-2025	496.6	496.6	-	497		497	
24	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới thôn Dọc, xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	2021-2025	228.0	228.0	50	178		178	
25	Lập quy hoạch chung xây dựng xã Minh Đức đến năm 2030	2021-2025	485.9	485.9	100	386		386	
II	Dự án đã hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán		47,068	47,068	13,005	27,000	22,500	4,500	

TT	Tên công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2025 từ tất cả các nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			
			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số các nguồn vốn	Bao gồm		Nguồn vốn khác
							Vốn định mức Thành phố giao	Thu tiền sử dụng đất	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Miếu Đông Ốc thị trấn Tứ Kỳ, đoạn từ ĐT 391 đến đường vành đai Đông Bắc	2022-2025	9,135	9,135	3,729	4,000	4,000		
2	Cải tạo sân, xây mới công Trường Mầm non Quang Khải	2025	1,700	1,700	1,000	500	500		
3	Nhà hiệu bộ và phòng học chức năng Trường Tiểu học Minh Đức	2021-2025	12,529	12,529	3,179	9,000	7,000	2,000	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lâm. Hạng mục: Nhà tổ, nhà mẫu, đền thánh	2024-2025	2,806	2,806	800	1,500	1,000	500	
5	Nhà tập đa năng Trường THCS Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	2021-2025	12,644	12,644	116	10,000	8,000	2,000	
6	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Mầm non B thôn Vạn, xã Minh Đức	2020-2021	8,253	8,253	4,182	2,000	2,000		
B	Dự án chuyển tiếp		5,517	5,517	2,000	3,000	2,000	1,000	
1	Trường Tiểu học Tứ Kỳ; Hạng mục: San lấp, sân đường, cổng tường rào	2025-2026	5,517	5,517	2,000	3,000	2,000	1,000	
C	Danh mục dự án dự kiến đầu tư mới năm 2026		105,800	105,800	-	41,232	5,732	35,500	
I	Lĩnh vực Giáo dục- Đào tạo và dạy nghề		60,000	60,000	-	26,232	4,732	21,500	
1	Giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng xây dựng đường vào Trường Mầm non Tứ Kỳ (mới)	2026-2027	20,000	20,000		10,000		10,000	
2	Xây dựng nhà đa năng Trường Tiểu học Tứ Kỳ	2026	6,000	6,000		4,000	1,000	3,000	
3	Xây mới Cổng, tường rào, nhà bảo vệ, nhà xe, sân Trường tiểu học Minh Đức xã Tứ Kỳ (điểm Minh Cường)	2026	3,500	3,500		2,000	1,000	1,000	
4	Cải tạo, sửa chữa các phòng học đã xuống cấp, sân cổng tường rào Trường Trung học cơ sở Phan Bội Châu	2026-2027	8,000	8,000		2,000	1,000	1,000	
5	Các hạng mục phụ trợ, sân đường, tường bao Trường Trung học cơ sở Tứ Kỳ	2026-2027	3,500	3,500		2,232	732	1,500	
6	Trường THCS Tứ Kỳ Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 15 phòng	2026-2027	19,000	19,000		6,000	1,000	5,000	
II	Lĩnh vực giao thông		32,800	32,800	-	11,000	1,000	10,000	

TT	Tên công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã giao đến hết năm 2025 từ tất cả các nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công năm 2026			
			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số các nguồn vốn	Bao gồm		Nguồn vốn khác
							Vốn định mức Thành phố giao	Thu tiền sử dụng đất	
1	Cải tạo, nâng cấp đường làng nghề An Nhân, xã Tứ Kỳ	2026-2027	12,000	12,000		4,000		4,000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông vành đai thôn Vạn, xã Tứ Kỳ	2026-2027	18,000	18,000		5,000		5,000	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Thị tứ xã Tứ Kỳ (Đoạn từ đường 191B đến đường 191 cũ)	2026	2,800	2,800		2,000	1,000	1,000	
III	Lĩnh vực Công cộng, văn hóa thông tin và thể dục thể thao		10,000	10,000	-	3,000	-	3,000	
1	Cải tạo, sửa chữa Đền Liệt sỹ Tứ Kỳ	2026-2027	10,000	10,000		3,000		3,000	
VIII	Lĩnh vực Quản lý nhà nước		3,000	3,000	-	1,000	-	1,000	
1	Sửa chữa Nhà Văn hoá trung tâm xã Tứ Kỳ	2026	3,000	3,000		1,000		1,000	

